

ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ

MAIL:nhatphong0207@yahoo.com PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC

TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI QUYẾT

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC PHẦN

MÔN HỌC : H?NH HỌA 1 * LỚP: (ARC-111)BCDEFGH

M? MÔN H ỌC : ARC-111 * SỐ TÍN CHỈ : 2 * HỌC KỲ : 3

NGÀY THI: 10/03/2013

LẦN THI: 2

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QT HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	H	M	F	SỐ	CHỮ	
					15	15	15	55	100		
1	142234541	Trần Thành Đạt	K17KTR	(ARC-111)C	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
2	162233510	Phạm Nguyễn Công Huy	K17KTR	(ARC-111)B	6	0	4	3	0.0	Khăng	
3	162233560	Thiều Quang Phước	K17KTR	(ARC-111)E	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
4	142231436	Bùi Chí Thanh	K17KTR	(ARC-111)C	8	5	5	LP	0.0	Khăng	
5	1821416293	Nguyễn Thanh Nhân	K18KTN	(ARC-111)B	10	7	7	6	6.9	Sầu pháp Chên	
6	172238892	Lê Văn Tuấn Anh	K18KTR1	(ARC-111)C	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
7	1821414103	V? Hùng Uy Dũng	K18KTR1	(ARC-111)C	8	5	6	LP	0.0	Khăng	
8	172236479	Nguyễn Vinh Hiễn	K18KTR1	(ARC-111)C	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
9	1820414756	Trần Thị Hiếu	K18KTR1	(ARC-111)C	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
10	1821414096	Trịnh Quốc Hoàng	K18KTR1	(ARC-111)C	9	5	5	LP	0.0	Khăng	
11	1821413531	Lâm Minh Hoàng	K18KTR1	(ARC-111)C	10	6	8	5.5	6.6	Sầu pháp Sầu	
12	1821414106	Nguyễn Phước Hoàng	K18KTR1	(ARC-111)C	10	5	7	7.5	7.4	Báý pháp Bảứ	
13	1821413545	Lê Quang Huy	K18KTR1	(ARC-111)C	10	7	8	8	8.2	Tảỉm pháp Hai	
14	1820414108	Đỗ Thị Kim Ngân	K18KTR1	(ARC-111)C	10	9	7	7.5	8.0	Tảỉm	
15	1821413845	V? Thành Nhân	K18KTR1	(ARC-111)C	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
16	1821413837	Nguyễn B?nh Kim Phong	K18KTR1	(ARC-111)C	10	6	6	4	5.5	Nằm pháp Nằm	
17	1821413840	Nguyễn Hữu Phúc	K18KTR1	(ARC-111)C	10	5	6	8	7.6	Báý pháp Sầu	
18	1821415654	Đoàn Quân	K18KTR1	(ARC-111)C	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
19	1821424147	Lương Xuân Tiến	K18KTR1	(ARC-111)C	10	6	7	8	7.9	Báý pháp Chên	
20	1821415836	Mai Văn Tú	K18KTR1	(ARC-111)C	6	5	6	LP	0.0	Khăng	
21	162233586	Trần Ngọc Thanh	K18KTR1	(ARC-111)C	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
22	1820415210	Huỳnh Kim Ý Thảo	K18KTR1	(ARC-111)C	10	7	8	4	6.0	Sầu	
23	1821414766	Hoàng Minh Trí	K18KTR1	(ARC-111)C	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
24	1821415832	Lê Tuấn Anh	K18KTR2	(ARC-111)D	9	5	6	3	0.0	Khăng	
25	1821416424	Trần Cao Khánh H?a	K18KTR2	(ARC-111)D	10	7	8	8	8.2	Tảỉm pháp Hai	
26	1821415209	Nguyễn Vũ Minh Hoàng	K18KTR2	(ARC-111)D	0	0	0	3	0.0	Khăng	
27	1821415223	Hồ Hữu Linh	K18KTR2	(ARC-111)D	10	6	7	2	0.0	Khăng	
28	1821413550	Bùi Minh Long	K18KTR2	(ARC-111)D	10	7	9	LP	0.0	Khăng	
29	1821414761	Phạm Hoàng Mỹ	K18KTR2	(ARC-111)D	9	6	6	LP	0.0	Khăng	
30	1821414763	Trần Ngọc Nhật Quang	K18KTR2	(ARC-111)D	10	7	10	5	6.8	Sầu pháp Tảỉm	
31	1821416661	Nguyễn Minh Tài	K18KTR2	(ARC-111)D	10	6	10	6	7.2	Báý pháp Hai	
32	1821414083	Trương Việt Tân	K18KTR2	(ARC-111)D	8	5	6	LP	0.0	Khăng	
33	152232821	Trần Quang Tiến	K18KTR2	(ARC-111)D	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
34	1821415659	Nguyễn Mạnh Tuấn	K18KTR2	(ARC-111)D	9	6	7	4	5.5	Nằm pháp Nằm	
35	1821415653	Hoàng Công Thanh	K18KTR2	(ARC-111)D	10	5	7	5	6.1	Sầu pháp Mắủ	
36	1820414771	Nguyễn Thị Huyền Trang	K18KTR2	(ARC-111)D	9	5	7	LP	0.0	Khăng	
37	1821414102	Văn Hữu Triều	K18KTR2	(ARC-111)D	10	6	7	6.5	7.0	Báý	
38	1821413841	Hồ Thiên Trúc	K18KTR2	(ARC-111)D	9	5	6	4	5.2	Nằm pháp Hai	
39	1821414086	Trần Đ?nh Hoàng Vũ	K18KTR2	(ARC-111)D	10	7	9	1	0.0	Khăng	
40	1821415649	Nguyễn Viết B?nh	K18KTR3	(ARC-111)E	6	6	6	LP	0.0	Khăng	

NGÀY THI: 10/03/2013

LẦN THI: 2

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QT HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
						A	H	M	F	SỐ	CHỮ	
						15	15	15	55	100		
41	1821414073	Nguyễn Văn	Diệu	K18KTR3	(ARC-111)E	8	0	5.5	2	0.0	Khăng	
42	1821414772	Nguyễn Anh	Đức	K18KTR3	(ARC-111)E	6	0	5.5	1	0.0	Khăng	
43	1821415208	Nguyễn	Hêli	K18KTR3	(ARC-111)E	8	0	2	3	0.0	Khăng	
44	1821415195	Lê Ngọc	Hiếu	K18KTR3	(ARC-111)E	10	0	5	2	0.0	Khăng	
45	1821415839	Trần Quang	Linh	K18KTR3	(ARC-111)E	10	6	6	2	0.0	Khăng	
46	1820414107	Huỳnh Thị Ý	Nhi	K18KTR3	(ARC-111)E	0	5	0	LP	0.0	Khăng	
47	1821413540	Đỗ Hoàng	Quân	K18KTR3	(ARC-111)E	2	4	3	2	0.0	Khăng	
48	1821414090	Huỳnh Anh	Tú	K18KTR3	(ARC-111)E	8	6	6	2	0.0	Khăng	
49	1821415656	Nguyễn Minh	Tuyến	K18KTR3	(ARC-111)E	4	4	5.5	LP	0.0	Khăng	
50	1820415201	Mai Thị Tỏ	Trinh	K18KTR3	(ARC-111)E	10	0	3.5	1	0.0	Khăng	
51	1821413846	Nguyễn Thành	Trung	K18KTR3	(ARC-111)E	4	4	5	1	0.0	Khăng	
1	171216217	Lương Thanh	B?nh	K18XCD1	(ARC-111)F	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
2	1811616477	Nguyễn Đức	Chuẩn	K18XCD1	(ARC-111)F	10	7	6	2	0.0	Khăng	
3	1811615909	Nguyễn Văn	Dũng	K18XCD1	(ARC-111)F	7	6	5	2	0.0	Khăng	
4	1811613724	Nguyễn Hoàng	Duy	K18XCD1	(ARC-111)F	9	7	7	2	0.0	Khăng	
5	1811616117	Huỳnh Quốc	Đạt	K18XCD1	(ARC-111)F	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
6	1811616112	Trần Ngọc	Giang	K18XCD1	(ARC-111)F	7	7	6	2	0.0	Khăng	
7	1811615755	Vũ Mạnh	Hải	K18XCD1	(ARC-111)F	9	5	5	2	0.0	Khăng	
8	1811616251	Trần Xuân	Hắc	K18XCD1	(ARC-111)F	10	7	7	2	0.0	Khăng	
9	1811616116	Lê Quang	H?a	K18XCD1	(ARC-111)F	7	5	5	2	0.0	Khăng	
10	1811614446	Lê Việt	Hưng	K18XCD1	(ARC-111)F	8	7	8	2	0.0	Khăng	
11	1810616718	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	K18XCD1	(ARC-111)F	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
12	1811614994	Nguyễn Trường	Long	K18XCD1	(ARC-111)F	4	6	6	LP	0.0	Khăng	
13	1810614449	Phan Thị	Mai	K18XCD1	(ARC-111)F	10	9	8	2	0.0	Khăng	
14	1811615449	V? Như	Minh	K18XCD1	(ARC-111)F	7	6	7	2	0.0	Khăng	
15	1811616481	Ban Lại	Nam	K18XCD1	(ARC-111)F	6	7	6	2	0.0	Khăng	
16	1811615440	Thái	Nguyên	K18XCD1	(ARC-111)F	6	5	5	3	0.0	Khăng	
17	1811616591	Nguyễn Thanh	Phương	K18XCD1	(ARC-111)F	6	7	5	4.5	5.2	Nằm pháp Hai	
18	1811613501	Bùi Ngọc	Quốc	K18XCD1	(ARC-111)F	6	8	5	2	0.0	Khăng	
19	1811616362	Nguyễn Tấn	Sanh	K18XCD1	(ARC-111)F	6	0	5	2	0.0	Khăng	
20	1811614995	Lê Trường	Son	K18XCD1	(ARC-111)F	5	6	4	2	0.0	Khăng	
21	1811614989	Ngô Văn	Tây	K18XCD1	(ARC-111)F	9	8	7	2	0.0	Khăng	
22	1811615436	Nguyễn Minh	Tiến	K18XCD1	(ARC-111)F	5	6	4	6	5.6	Nằm pháp Sáu	
23	1811613920	Nguyễn Chánh	T?nh	K18XCD1	(ARC-111)F	4	0	5	LP	0.0	Khăng	
24	1811614998	Trương Mạnh	Tuấn	K18XCD1	(ARC-111)F	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
25	1811616594	V? Hữu	Tùng	K18XCD1	(ARC-111)F	4	8	5	LP	0.0	Khăng	
26	171136417	Vũ Lê Sĩ	Thanh	K18XCD1	(ARC-111)F	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
27	1811615911	Nguyễn Hữu	Trung	K18XCD1	(ARC-111)F	6	5	5	LP	0.0	Khăng	
28	1811616672	Phan Văn	Viên	K18XCD1	(ARC-111)G	8	6	7	LP	0.0	Khăng	
29	1811616366	Huỳnh Văn	Việt	K18XCD1	(ARC-111)F	4	7	6	LP	0.0	Khăng	
30	1811615445	Nguyễn Thanh	Xuân	K18XCD1	(ARC-111)F	8	8	6	2	0.0	Khăng	
31	1811614990	Nguyễn Tiến	Châu	K18XCD2	(ARC-111)G	3	0	6	2	0.0	Khăng	
32	1811615450	Trần Mậu	Châu	K18XCD2	(ARC-111)G	9	8	8	2	0.0	Khăng	
33	1811614451	Thái Hoàng	Hà	K18XCD2	(ARC-111)G	5	0	7	2	0.0	Khăng	

NGÀY THI: 10/03/2013

LẦN THI: 2

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QT HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
						A	H	M	F	SỐ	CHỮ	
						15	15	15	55	100		
34	1811614450	Phan Công	Hải	K18XCD2	(ARC-111)G	8	7	6	2	0.0	Khăng	
35	1811616592	Phạm Trung	Hiếu	K18XCD2	(ARC-111)G	8	6	8	2	0.0	Khăng	
36	1811615751	Nguyễn Thế	Hoàn	K18XCD2	(ARC-111)G	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
37	1811616643	Nguyễn Trần	Linh	K18XCD2	(ARC-111)G	10	8	7	LP	0.0	Khăng	
38	1811616593	Nguyễn Văn	Phuong	K18XCD2	(ARC-111)G	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
39	1811615758	Hà Xuân	Sơn	K18XCD2	(ARC-111)G	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
40	1811615756	V? Thanh	Tân	K18XCD2	(ARC-111)G	3	6	5	1	0.0	Khăng	
41	1811616252	Nguyễn Quốc	Tiến	K18XCD2	(ARC-111)G	9	8	9	LP	0.0	Khăng	
42	1811615446	Phan Văn	Tín	K18XCD2	(ARC-111)G	8	6	6	2	0.0	Khăng	
43	1811615753	Phan Thanh	Toàn	K18XCD2	(ARC-111)G	4	5	5	2	0.0	Khăng	
44	1811613722	Đình Quốc	Tuấn	K18XCD2	(ARC-111)G	6	6	8	2	0.0	Khăng	
45	1811614441	Nguyễn Hữu Thanh	Tùng	K18XCD2	(ARC-111)G	7	5	7	2	0.0	Khăng	
46	1811615442	Nguyễn Viết	Thái	K18XCD2	(ARC-111)G	8	7	8	2	0.0	Khăng	
47	1811615912	Nguyễn Duy	Thảo	K18XCD2	(ARC-111)G	9	8	7	2	0.0	Khăng	
48	1811615441	Trần Văn	Thời	K18XCD2	(ARC-111)G	5	6	5	LP	0.0	Khăng	
49	1811616253	Nguyễn Bá Trọng	Trí	K18XCD2	(ARC-111)G	6	3	8	V	0.0	Khăng	
50	1811615001	Lê Thành Công	Tr?nh	K18XCD2	(ARC-111)G	9	8	8	LP	0.0	Khăng	
51	1811615913	Lương Quốc	Trung	K18XCD2	(ARC-111)G	6	0	5	2	0.0	Khăng	
52	1811615002	Trần Trọng	Vi	K18XCD2	(ARC-111)G	6	8	7	LP	0.0	Khăng	
53	1811614447	Nguyễn Công	Vũ	K18XCD2	(ARC-111)G	6	8	7	2	0.0	Khăng	
54	1811615910	Hồ Trung	Vương	K18XCD2	(ARC-111)G	8	6	7	4	5.4	Nằm pháy Bấ	
55	1811614436	Lê Văn	Vỵ	K18XCD2	(ARC-111)G	10	7	7	2	0.0	Khăng	
56	1821624749	Dương Văn	Cường	K18XDC	(ARC-111)H	10	7	9	6	7.2	Báy pháy Hai	
57	1821624060	Nguyễn Văn	Dương	K18XDC	(ARC-111)H	10	8	10	6	7.5	Báy pháy Nằm	
58	1821625190	Nguyễn Đức	Đạt	K18XDC	(ARC-111)H	8	5	7	LP	0.0	Khăng	
59	1821625189	Nguyễn Tấn	Hiền	K18XDC	(ARC-111)H	8	5	8	2	0.0	Khăng	
60	1821624061	Nguyễn Văn	Hùng	K18XDC	(ARC-111)H	8	5	7	2	0.0	Khăng	
61	1821624068	Nguyễn Đăng	Khoa	K18XDC	(ARC-111)H	9	6	6	6	6.5	Sầu pháy Nằm	
62	1821625191	Bùi Xuân Hoàng	Linh	K18XDC	(ARC-111)H	10	9	10	2	0.0	Khăng	
63	1821625646	Hà Quốc	Nam	K18XDC	(ARC-111)H	9	8	9	2	0.0	Khăng	
64	1821624069	Phạm Minh	Nghĩa	K18XDC	(ARC-111)H	9	8	9	LP	0.0	Khăng	
65	1821624065	Phạm Hữu	Nhân	K18XDC	(ARC-111)H	10	8	9	LP	0.0	Khăng	
66	1821624063	Lê Minh	Tuấn	K18XDC	(ARC-111)H	10	5	8	2	0.0	Khăng	
67	1821624750	Hoàng Phan Thanh	Tùng	K18XDC	(ARC-111)H	10	8	9	2	0.0	Khăng	
68	1821624070	Bùi Văn	Thanh	K18XDC	(ARC-111)H	10	8	9	2	0.0	Khăng	
1	142234540	Nguyễn Mạnh	Cường	K14KTR1	(ARC-111)B	5	5	5	8	6.7	Sầu pháy Báy	
2	151215865	Trần Thanh	Tùng	K15XCD2	(ARC-111)G	5	6	6	LP	0.0	Khăng	
3	152212744	Nguyễn Anh	Tuấn	K15XDD2	(ARC-111)E	4	0	0	4.5	3.1	Ba pháy Mắ	
4	142234644	Bùi Đức	Lâm	K16KTR5	(ARC-111)H	8	5	7	LP	0.0	Khăng	
5	152233012	Nguyễn Đàm Hoài	Phuong	K16KTR5	(ARC-111)B	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
6	152232830	Nguyễn Ngọc	Tuyên	K16KTR5	(ARC-111)C	9	5	6	LP	0.0	Khăng	
7	161215097	Trịnh Quốc	Đạt	K16XCD2	(ARC-111)F	5	5	7	2	0.0	Khăng	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

NGÀY THI: 10/03/2013

LẦN THI: 2

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QT HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	H	M	F	SỐ	CHỮ	
					15	15	15	55	100		
	STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ						
	1	Số sinh viên đạt	23	18%							
	2	Số sinh viên nợ	103	82%							
	TỔNG CỘNG :		126	100%							

LẬP BẢNG

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2013
PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(k? và ghi r? họ tên)

Nguyễn Kim Đức

ThS. Nguyễn Hữu Phú